

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL**

-----\*\*\*-----

**Số 1 Giang Văn Minh, P. Kim Mã, Q.Ba Đình, Hà Nội**

**Website: <http://www.vietteltuvanthietke.com.vn>**

**Email: [kstk@viettel.com.vn](mailto:kstk@viettel.com.vn)**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2019**

**Phụ lục số 04**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2020

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL**  
**Năm 2019**

**I. Thông tin chung:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0100109106-075** do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/03/2010 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 20/08/2018.
- Vốn điều lệ: **41.599.050.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **41.599.050.000 đồng**
- Địa chỉ: **Số 1 Giang Văn Minh, P.Kim Mã, Q.Ba Đình, TP Hà Nội**
- Số điện thoại: **024.62660165/ 024.62660167**
- Số fax: **024.62660249**
- Website: **www.vietteltuvanthietke.com.vn**
- Mã cổ phiếu: **VTK**
- Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 30/10/1995 Bộ Tư lệnh Binh chủng Thông tin liên lạc ra quyết định thành lập Xí nghiệp Khảo sát Thiết kế - tiền thân của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel ngày nay và ngày 30 tháng 10 hàng năm trở thành ngày truyền thống của Công ty.

Ngày 12/01/2006: Bộ quốc phòng có quyết định số 12/2006/QĐ-BQP về việc thành lập Công ty TNHH NN MTV Tư vấn Thiết kế Viettel trực thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội. Đây là mốc thời gian quan trọng ghi nhận bước trưởng thành vượt bậc từ Xí nghiệp thành Công ty.

Ngày 24/09/2008 chấp hành chủ trương cổ phần hóa của Chính phủ. Bộ Quốc phòng ra quyết định số 3008/QĐ-BQP về việc cổ phần hóa Công ty TNHH NN MTV Tư vấn Thiết kế Viettel, ngày 23/03/2010 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel mà số doanh nghiệp 0100109106-075. Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/04/2010, với vốn điều lệ là 16.000.000.000 đồng (Mười sáu tỷ đồng). Cơ cấu vốn: Tập đoàn Viễn thông Quân đội, là doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 1.088.000 cổ phần, tương ứng 10.880.000.000 đồng, chiếm 68%, còn lại là các cổ đông thiểu số.

Ngày 15/07/2015, Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel đã thực hiện tăng vốn lần 1 thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 16.000.000.000 đồng. Tổng cộng vốn sau phát hành: 32.000.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ đồng).

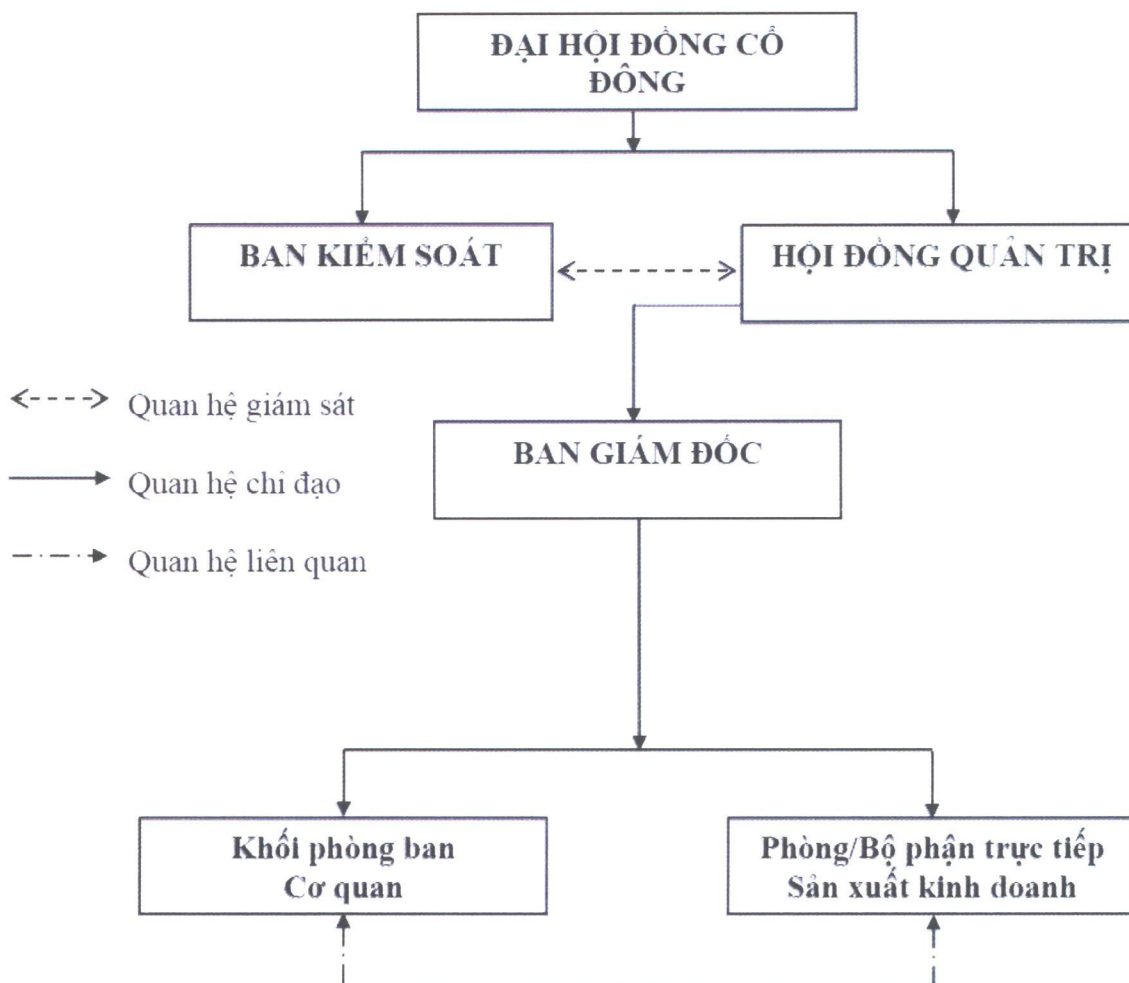
Ngày 21/06/2017, Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel đã thực hiện tăng vốn lần 2 thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 9.599.050.000 đồng. Tổng cộng vốn sau phát hành: 41.599.050.000 đồng (Bốn mươi một tỷ, năm trăm chín mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm): khảo sát, thiết kế, giám sát, kiểm định công trình hạ tầng viễn thông và công trình dân dụng, công nghiệp; lập, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Địa bàn kinh doanh: (chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): ở các tỉnh, thành phố trong nước.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý (theo sơ đồ):



Công ty con, công ty liên kết: Không có

## 4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :
  - Xây dựng đội ngũ quản lý, tiếp tục tổ chức đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nhiệm vụ năm 2020 và những năm tiếp theo.
  - Tổ chức lực lượng triển khai các lĩnh vực: Tư vấn khảo sát thiết kế, tư vấn giám sát công trình, kiểm định công trình, kiểm soát vận hành khai thác.
  - Đẩy mạnh công tác kinh doanh, tìm kiếm - thực hiện các công trình bên ngoài Tập đoàn, tăng dần tỷ trọng doanh thu kinh tế bên ngoài.

- Kế hoạch doanh thu năm 2020 đạt: 136 tỷ đồng.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn :
- Tiếp tục duy trì lợi thế của doanh nghiệp, tăng tính hiệu quả đảm bảo phát triển bền vững, lâu dài và ổn định cho doanh nghiệp.
- Xây dựng, đào tạo lực lượng tiếp tục đi ra nước ngoài tiến hành công việc khảo sát thiết kế các công trình viễn thông, tạo tiền đề mở rộng thị trường ra nước ngoài trong thời gian tới.
- Nâng cao năng lực cán bộ công nhân viên để tham gia sâu rộng hơn vào tư vấn thiết kế bên trong và ngoài Tập đoàn, tăng dần tỷ trọng doanh thu bên ngoài Tập đoàn.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty :
- Không thực hiện các hoạt động gây ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng.
- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội để góp phần đưa hình ảnh thân thiện của Công ty đến với mọi người.

#### 5. Các rủi ro:

- Thị trường viễn thông trong nước đang dần bị bão hòa, hạ tầng viễn thông đã hoàn thiện.
- Sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các doanh nghiệp tư vấn thiết kế khác cùng ngành.
- Các lĩnh vực mới bước đầu triển khai còn gặp rất nhiều khó khăn về nguồn việc

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2019:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:
  - + Tổng doanh thu: 115,414 tỷ tăng 20.8 % so với năm 2018
  - + Tổng chi phí: 95,363 tỷ tăng 30,3 % so với năm 2018
  - + Lợi nhuận trước thuế: 20.051 tỷ giảm 10.5 % so với năm 2018
  - + Không phát sinh các khoản công nợ khó đòi, tình hình tài chính lành mạnh.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2019: Hoàn thành kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

### 2. Tổ chức và nhân sự:

#### a) Danh sách Ban điều hành :

##### 1/ Ông Vũ Tiến Duy

- Chức vụ: Giám đốc

Sinh năm: 1977

Số CMND: 012989690 do Công an Hà Nội cấp ngày 03/01/2007

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 13.6% - trong đó 13.6% đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - tương ứng với 565.760 cổ phần);

##### 2/ Ông Nguyễn Hữu Đức

- Chức vụ: Phó Giám đốc

Sinh năm: 1980

Số CMND: 90A052023525 do Cục quân lực BTTM cấp ngày 22/12/2008

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,071% (do bản thân sở hữu 2.971 cổ phần)

##### 3/ Ông Nguyễn Đăng Hùng

- Chức vụ: Phó Giám đốc

Sinh năm: 1979

Số CMND: 012978483 do Công an Hà Nội cấp ngày 04/05/2006

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0% (do bản thân sở hữu 0 cổ phần)

**5/ Ông Nguyễn Hữu Hải** - Chức vụ: Kế toán trưởng

Sinh năm: 1981

Số CMND: 025081000040 do Công an Hà Nội cấp ngày 02/12/2013

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,044% (do bản thân sở hữu 1.820 cổ phần)

**b) Cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

- Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân: 96 người.
- Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các Quy định của Nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm; thực hiện theo đúng thỏa ước lao động đã ký giữa người sử dụng lao động và tập thể người lao động.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

**4. Tình hình tài chính:**

- a) Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	120.317.844.229	135.057.683.541	12%
Doanh thu thuần	91.886.425.634	112.246.721.796	22%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.273.068.152	20.047.213.611	-10%
Lợi nhuận khác	119.464.224	3.999.782	-97%
Lợi nhuận trước thuế	22.392.532.376	20.051.213.393	-10%
Lợi nhuận sau thuế	17.880.166.018	16.011.370.714	-10%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (dự kiến)	15%	15%	

(Nguồn: BCTC năm 2019 đã được kiểm toán).

- b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	4.31	2,87	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
- Hệ số thanh toán nhanh:	4.30	2.93	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn			
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0.22	0.25	
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.28	0.33	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho:			

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	94.77	674.82	
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0.76	0.83	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0.19	0.14	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0.19	0.16	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0.15	0.12	
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0.24	0.18	

(Nguồn: BCTC năm 2018, 2019 đã được kiểm toán).

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

##### a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.159.905 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000đ/cổ phần
- Số lượng cổ phần tự do chuyên nhượng: 4.159.905 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyên nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty: 0 cổ phần

##### b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 31/03/2020 như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>1. Cổ đông lớn, nhỏ</b>	<b>704</b>	<b>4.159.905</b>	<b>100.00</b>
- Cổ đông lớn	1	2.828.800	68.00
- Cổ đông nhỏ	703	1.331.105	32.00
<b>2. Cổ đông tổ chức, cá nhân</b>	<b>704</b>	<b>4.159.905</b>	<b>100.00</b>
- Tổ chức trong nước	4	2.964.200	71,26%
- Tổ chức nước ngoài	1	200	0,0048%
- Cá nhân trong nước	693	1.193.534	28,69%
- Cổ đông nước ngoài	6	1.971	0,047%
<b>3. Cổ đông nhà nước, cổ đông khác</b>	<b>704</b>	<b>4.159.905</b>	<b>100.00</b>

Danh mục	Số lượng cổ	Số lượng cổ	Tỷ lệ
- Cổ đông nhà nước	1	2.828.800	68.00
- Cổ đông khác	703	1.331.105	32.00

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi  
d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có  
e) Các chứng khoán khác: Không có

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm là: 1.948.000.675 đồng
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có

### **6.2 Tiêu thụ năng lượng**

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 147.726.608 đồng
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

### **6.3 Tiêu thụ nước**

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 22.810.365 đồng
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

### **6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

### **6.5 Chính sách liên quan đến người lao động**

- Số lượng lao động bình quân trong năm là: 96 người
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Có chính sách hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.
- Hoạt động đào tạo người lao động.
  - o Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Hàng tuần các phòng ban trong Công ty tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm nâng cao trình độ chuyên môn. Thời gian đào tạo người lao động 6h/1 tuần và trong năm 2019 Công ty đã thực hiện đào tạo 312h/ năm.
  - o Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.

### **6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Tham gia các hoạt động tri ân trên địa bàn đơn vị.
- Công ty có hoạt động thiện nguyện tại huyện Mèo Vạc và huyện Đông Văn của tỉnh Hà Giang

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

*Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch, dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:*

Năm 2019 hạ tầng viễn thông trong nước đã ở giai đoạn bão hòa ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với sự cố gắng nỗ lực của Hội đồng Quản trị, của Ban Giám đốc & sự giám sát chặt chẽ, sát sao của Ban Kiểm soát, sự đoàn kết, không ngừng học tập, sáng tạo, nắm bắt nhanh công nghệ mới, chủ động trong công việc của đội ngũ CBCNV Công ty, nên đã hoàn thành được các mục tiêu kế hoạch trong năm, đảm bảo thu nhập của người lao động ổn định.

*Những tiến bộ Công ty đã đạt được:*

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy gián tiếp của Công ty gọn nhẹ, công ty tăng cường các biện pháp quản lý: tiết kiệm chi phí, quản lý chặt chẽ và tăng hiệu quả sử dụng vốn, tài sản mang lại hiệu quả cao.
- Công ty đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh tuần, tháng, quý, năm. Triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra, thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh linh hoạt kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Công tác giao ban, hội ý, giao việc được tổ chức định kỳ, thường xuyên, kịp thời, phân công trách nhiệm cụ thể, đôn đốc sát sao để công việc được hoàn thành theo đúng tiến độ và đạt được hiệu quả cao.
- Công ty thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo, trao đổi kinh nghiệm trong công việc hàng tuần. Hàng tháng tổ chức 03 buổi các lớp học (cử các cán bộ có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao để truyền đạt, hướng dẫn cho các nhân viên mới ít kinh nghiệm).
- Năm 2019 Công ty tiếp tục điều chỉnh & áp dụng định mức lao động cho phù hợp với đặc điểm tình hình, đặc thù công việc nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất lao động, đời sống người lao động được nâng lên.
- Các biện pháp kiểm soát: Công ty gắn trách nhiệm trực tiếp tới các phòng ban, các cá nhân về tính hiệu quả, quản lý chặt chẽ chi phí, các khoản công nợ phải thu, phải trả, tăng khả năng quay vòng vốn,...

#### **2. Tình hình tài chính:**



a) *Tình hình tài sản:*

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2018	So sánh
1. Tài sản ngắn hạn	96.884.029.483	112.374.813.561	88%
- Tiền và các khoản tương đương tiền	9.817.800.835	20.788.943.310	47%
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.000.000.000	44.000.000.000	61%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	59.541.033.528	47.448.517.949	125%
- Hàng tồn kho	111.150.000	137.352.302	81%
- Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
2. Tài sản dài hạn	38.173.654.058	7.943.030.668	481%
- Tài sản cố định	6.664.821.232	7.808.880.670	85%
- Tài sản dở dang dài hạn	31.349.000.000	0	
- Tài sản dài hạn khác	159.832.826	134.149.998	119%
<b>Tổng cộng tài sản:</b>	<b>135.057.683.541</b>	<b>120.317.844.229</b>	<b>112%</b>
3. Các chỉ tiêu đánh giá:			
- Vòng quay tổng tài sản		0,84	
- Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản		0,19	

(Nguồn: BCTC năm 2018, 2019 đã được kiểm toán).

b) *Tình hình nợ phải trả:*

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2018	So sánh
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>33.740.835.262</b>	<b>26.090.484.261</b>	<b>129%</b>
Phải trả người bán	10.642.605.273	3.106.030.808	343%
Người mua trả tiền trước	138.059.000	101.939.091	135%
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	146.790.480	1.720.223.006	9%
Phải trả người lao động	5.478.793.030	8.860.610.099	62%
Chi phí phải trả ngắn hạn	6.473.483.087	7.074.761.998	92%
Các khoản phải trả phải nộp khác	7.924.339.636	2.991.016.489	265%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.936.764.756	2.235.902.770	131%
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>Tổng cộng Nợ phải trả</b>	<b>33.740.835.262</b>	<b>26.090.484.261</b>	<b>129%</b>

(Nguồn: BCTC năm 2018, 2019 đã được kiểm toán).

Trong năm 2019 Công ty không có các khoản nợ xấu (bao gồm cả nợ phải thu và nợ phải trả), tình hình tài chính năm 2019 được đánh giá là lành mạnh, có hiệu quả.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Bộ máy gián tiếp của Công ty gọn nhẹ, công ty tăng cường các biện pháp quản lý: tiết kiệm chi phí, quản lý chặt chẽ và tăng hiệu quả sử dụng vốn, tài sản mang lại hiệu quả cao.

Cơ cấu tổ chức lại các phòng, trung tâm, bộ phận hợp lý, tăng tính trách nhiệm của các cá nhân phụ trách, quản lý chặt chẽ các luồng công việc đến từng cá nhân. Khuyến khích từng cá nhân nhận các việc khó, việc mới nâng cao trình độ chuyên môn.

Công ty đã thực hiện khoán cho các phòng, trung tâm để nâng cao năng suất lao động đồng thời thực hiện OUTSOURCE đối với các công việc mang lại hiệu quả kinh tế thấp.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Xây dựng Công ty trở thành Công ty Tư vấn Thiết kế toàn cầu, chuyên nghiệp, thực hiện toàn trình công tác khảo sát, thiết kế, giám sát thi công xây dựng hạ tầng Viễn thông và công trình xây dựng dân dụng ở trong nước và nước ngoài đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

Mở rộng quy mô, lĩnh vực ngành nghề mới, nâng cao năng lực, đẩy mạnh việc kinh doanh dịch vụ Tư vấn xây dựng (kiểm định công trình xây dựng; kiểm soát vận hành khai thác, tư vấn khảo sát, thiết kế, lắp đặt, tích hợp hệ thống, chuyên giao trọn gói các giải pháp IoTs cho các chuỗi Smart), giảm sự phụ thuộc vào lĩnh vực truyền thống (khảo sát thiết kế hạ tầng viễn thông), nâng dần tỷ trọng doanh thu ngành nghề mới, doanh thu bên ngoài Viettel để Công ty phát triển bền vững.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** không.

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...): Công ty tiêu thụ nước, năng lượng ở mức thấp, không gây ảnh hưởng đến môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đảm bảo tốt các chính sách với người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

Doanh thu cả năm 2019 đạt: 115,414 tỷ tăng 20,8% so với năm 2018, hoàn thành kế hoạch năm 2019.

Lợi nhuận trước thuế đạt: 16,011 tỷ giảm 10,45% so với năm 2018, hoàn thành kế hoạch năm 2019.

Năm 2019 Công ty đã thực hiện đúng các lĩnh vực đã đăng ký kinh doanh, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh.

Công ty đã tổ chức thu nộp đầy đủ các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước như: Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN... đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật.

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, đóng BHXH, BHYT, trích nộp KPCĐ đầy đủ, đúng quy định hiện hành.

Năm 2019 Công ty được Bộ Quốc Phòng tặng cờ thi đua.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

Ban Giám đốc Công ty đã luôn có sự cố gắng, nỗ lực trong việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và định hướng phát triển của Công ty. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD một cách khoa học, đạt hiệu quả cao, thúc đẩy tăng năng suất và chất lượng lao động. Đảm bảo chế độ lương, thưởng cho người lao động, tạo sự đoàn kết, gắn bó, đồng thuận cao trong nội bộ Công ty, khuyến khích những sáng tạo đổi mới trong công việc từ đó tạo động lực thúc đẩy Công ty tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo. Tinh thần làm việc của toàn thể CBCNV trong Công ty đã thể hiện khẩu hiệu năm 2019 của Ban Giám đốc đưa ra: Khát vọng – Đổi mới – Vươn xa.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị Công ty hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông của Công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả các thành viên trong Hội đồng quản trị sẽ cố gắng nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với công việc mình được giao:

HĐQT sẽ tiếp tục bám sát chiến lược, định hướng phát triển của Công ty để đề ra các quyết sách đúng đắn mang lại hiệu quả cao cho hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2019 và những năm tiếp theo:

Cử thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong Công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp:

Tiếp tục định hướng, giám sát, điều hành hoạt động của Ban Giám đốc Công ty để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty và sử dụng có hiệu quả từng đồng vốn của các cổ đông Công ty.

Yêu cầu Ban kiểm soát cần tiến hành hoạt động chuyên trách, sâu sát hơn trong vai trò kiểm soát các hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành cũng như toàn thể các hoạt động của Công ty.

## **V. Quản trị công ty:**

### **1. Hội đồng quản trị:**

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	TLSHCP biểu quyết	Chức vụ tại Công ty khác	Ghi chú
Đỗ Minh Phương	Chủ tịch HĐQT	40.801%	- PTGD Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội	
Vũ Tiến Duy	Thành viên HĐQT	13.6%	- Không	
Trương Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	13.6%	- Phó ban KTTTC Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội	
Nguyễn Hải Chung	Thành viên HĐQT	0%	- Ban ĐTXD Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội	

b/ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm qua HĐQT đã tiến hành các cuộc họp để giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thảo luận những vấn đề quan trọng liên quan đến chiến lược phát triển Công ty và triển khai thực hiện nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. HĐQT luôn chủ động, sâu sát chỉ đạo Ban điều hành Công ty theo dõi mọi hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và kinh doanh có hiệu quả.

Các nghị quyết trong năm 2019 của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	562/NQ-HĐQT-TVTK	26/03/2019	NQ về triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2019
2	19/NQ-TVTK-HĐQT	20/04/2019	NQ về bầu Chủ tịch HĐQT
3	20/NQ-VTK-HĐQT	05/07/2019	NQ về chi trả cổ tức năm 2018
4	21/NQ-VTK-HĐQT	09/07/2019	NQ về triệu tập ĐHĐCĐ bất thường lấy ý kiến bằng văn bản
5	23/NQ-VTK-HĐQT	05/09/2019	NQ về bầu Chủ tịch HĐQT
6	01/NQ-VTK-HĐQT-TS	30/09/2019	NQ về mua sản văn phòng làm trụ sở Công ty

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty  
Các thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị.

## 2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên độc lập không điều hành.

Họ và tên	Chức vụ	TLSHCP biểu quyết	Ghi chú
Ông Phan Thế Trường	Trưởng BKS	0,00%	
Bà Uông Thu Hương	Thành viên BKS	0,00%	
Ông Lê Huy Cường	Thành viên BKS, Nhân viên Công ty	0,00%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty hợp định kỳ theo đúng quy định. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của Công ty: Giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư.

Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức vào ngày 19/04/2019 đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019.

**Bảng tổng hợp các khoản thưởng, thù lao của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2019:**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Chức vụ	Năm 2019		
			Thù lao	Thương/Chi phí khác	Tổng
<b>I</b>	<b>Hội đồng Quản trị:</b>		<b>108.000.000</b>	<b>0</b>	<b>108.000.000</b>
1	Tào Đức Thắng	Chủ tịch HĐQT (01/01/2019-19/04/2019)	12.000.000	0	12.000.000
2	Hoàng Sơn	Chủ tịch HĐQT (20/04/2019-05/09/2019)	12.000.000	0	12.000.000
3	Đỗ Minh Phương	Chủ tịch HĐQT (05/09/2019-31/12/2019)	12.000.000	0	12.000.000
4	Lê Văn Chí	TV HĐQT (01/01/2019-19/04/2019)	8.000.000	0	8.000.000
5	Vũ Tiến Duy	TV HĐQT (19/04/2019-31/12/2019)	16.000.000	0	16.000.000
6	Trương Thị Thu Hà	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
7	Nguyễn Hải Chung	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát:</b>		<b>254.463.413</b>	<b>0</b>	<b>254.463.413</b>
1	Phan Thế Trường	Trưởng BKS	230.463.413	0	230.463.413
2	Bùi Anh Vũ	TV BKS (01/01/2019-19/04/2019)	4.000.000	0	4.000.000
3	Uông Thu Hương	TV BKS (19/04/2019-31/12/2019)	8.000.000	0	8.000.000
5	Lê Huy Cường	TV BKS	12.000.000	0	12.000.000
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>362.463.413</b>	<b>0</b>	<b>362.463.413</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Mọi hoạt động về quản trị Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

## VI. Báo cáo tài chính:

### 1. Ý kiến kiểm toán:

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

### 2. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC):

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(Năm 2019)

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>96.884.029.483</b>	<b>112.374.813.561</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9.817.800.835</b>	<b>20.788.943.310</b>
1. Tiền	111	2.817.800.835	4.788.943.310
2. Các khoản tương đương tiền	112	7.000.000.000	16.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>44.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	27.000.000.000	44.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>59.541.033.528</b>	<b>47.448.517.949</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	58.262.837.072	46.047.102.238
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	69.100.878	27.150.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.209.095.578	1.374.265.711
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>111.150.000</b>	<b>137.352.302</b>
1. Hàng tồn kho	141	111.150.000	137.352.302
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>414.045.120</b>	<b>0</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	130.295.465	0
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	283.749.655	0
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>38.173.654.058</b>	<b>7.943.030.668</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>6.664.821.232</b>	<b>7.808.880.670</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	2.940.667.832	4.084.727.270
Nguyên giá	222	7.548.125.554	7.443.425.554
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(4.607.457.722)	(3.358.698.284)
2. Tài sản cố định vô hình	227	3.724.153.400	3.724.153.400
Nguyên giá	228	3.724.153.400	3.724.153.400
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>31.349.000.000</b>	<b>0</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	31.349.000.000	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>159.832.826</b>	<b>134.149.998</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	159.832.826	134.149.998
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>135.057.683.541</b>	<b>120.317.844.229</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>33.740.835.262</b>	<b>26.090.484.261</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>33.740.835.262</b>	<b>26.090.484.261</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10.642.605.273	3.106.030.808
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	138.059.000	101.939.091
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	146.790.480	1.720.223.006
4. Phải trả người lao động	314	5.478.793.030	8.860.610.099
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.473.483.087	7.074.761.998
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	7.924.339.636	2.991.016.489
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	2.936.764.756	2.235.902.770
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>101.316.848.279</b>	<b>94.227.359.968</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>101.316.848.279</b>	<b>94.227.359.968</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	41.599.050.000	41.599.050.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>	<i>41.599.050.000</i>	<i>41.599.050.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	39.207.666.865	33.843.617.060
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20.510.131.414	18.784.692.908
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>	<i>4.498.760.700</i>	<i>904.526.890</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>16.011.370.714</i>	<i>17.880.166.018</i>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>135.057.683.541</b>	<b>120.317.844.229</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
(Năm 2019)

*Đơn vị tính: đồng*

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1</b>	<b>112.246.721.796</b>	<b>91.886.425.634</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	<b>10</b>	<b>112.246.721.796</b>	<b>91.886.425.634</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>83.847.399.449</b>	<b>62.416.322.958</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>28.399.322.347</b>	<b>29.470.102.676</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.163.628.385	3.517.778.966
7. Chi phí tài chính	22	33.553.954	8.096.623
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	12.385.696	-
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11.482.183.167	10.706.716.867
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (25+26)}</b>	<b>30</b>	<b>20.047.213.611</b>	<b>22.273.068.152</b>
12. Thu nhập khác	31	4.000.002	173.309.093
13. Chi phí khác	32	220	53.844.869
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>3.999.782</b>	<b>119.464.224</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>20.051.213.393</b>	<b>22.392.532.376</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.039.842.679	4.512.366.358
17. Chi phí thuế TNDN hoàn lại	52	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	16.011.370.714	17.880.166.018
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61	-	-
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.849	4.298
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	-

